

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 26/05/2020 của UBND huyện Trà Cú về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện Trà Cú về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 1367/UBND-KTHT ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc thống nhất chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ

lệ 1/500 Trung tâm xã Đại An, Ngọc Biên, Tập Sơn và Long Hiệp huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 1414/SXD-QHKT&PTĐT ngày 25/9/2023 của Sở Xây dựng Trà Vinh về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh,

Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đại An và Báo cáo số 13/HĐQH-TĐQH ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện Trà Cú.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung chính như sau:

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Xã cần có quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm, nhằm làm cơ sở tổ chức, sắp xếp, không gian, kiến trúc cảnh quan, điểm dân cư trung tâm xã. Đồng thời làm cơ sở, có hiệu quả sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, vệ sinh môi trường khu vực trung tâm xã. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập của người dân. Làm cho diện mạo nông thôn ngày càng thay đổi, đảm bảo mỹ quan, môi trường sạch đẹp, nhằm nâng cao hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn xã. Từ những vấn đề trên việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Đại An là hết sức cần thiết.

2. Tính chất, mục tiêu của đồ án quy hoạch:

- Trung tâm xã Đại An có chức năng chính là nơi đặt các công trình công cộng quan trọng của xã có ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh như: Khu hành chính tập trung xã, chợ xã, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hóa, các công trình giáo dục... Ngoài ra, trong trung tâm xã còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, thể dục thể thao, khu công trình dịch vụ công cộng khác...

- Xác định các khu chức năng phục vụ công cộng, các khu chức năng còn thiếu hoặc không đủ diện tích theo tiêu chí xã nông thôn mới và tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, làm cơ sở cho việc triển khai của dự án đầu tư xây dựng cụ thể. Hoạch định hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với khu vực lập quy hoạch và các khu vực xung quanh, làm cơ sở cho công tác quản lý xây dựng, quản lý sử dụng đất trong khu vực trung tâm xã.

3. Giới hạn, phạm vi nghiên cứu:

3.1. Vị trí ranh giới:

Khu trung tâm xã Đại An nằm ở vị trí Trung tâm của xã, thuộc 8 ấp gồm: ấp Chợ; một phần các ấp: Cây Da, Giồng Đình, Giồng Lớn A, Xà Lôn, Mé Rạch B, Mé Rạch E, Trà Kha. Trung tâm xã Đại An nằm dọc hai bên Quốc lộ 53, đường Tỉnh 914, 915. Tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất khu dân cư.
- Phía Nam: Giáp khu dân cư (Qua vòng xoay giao lộ của Quốc lộ 53 và đường tỉnh 914, 915 khoảng 150m).
- Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp.
- Phía Tây: Giáp đất nông nghiệp.

3.2. Quy mô, dân số:

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch **24,84 ha (248.400 m²)**.

- Dân số:

+ Dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch: 1.680 người.

+ Dự báo dân số quy hoạch trung tâm xã: 2.000 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch trung tâm xã:

- Đất ở: $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất vườn ao: $\geq 75 \text{ m}^2/\text{người}$
- Đất công trình công cộng: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$
- Đất cây xanh – Thể dục thể thao $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$
- Đất giao thông và HTKT: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$

5. Định hướng tổ chức cơ cấu không gian kiến trúc:

5.1. Công trình công cộng:

Đất công trình công cộng có tổng diện tích 27.446 m² (2,74 ha); các công trình này được xây dựng kiên cố, chủ yếu nằm cặp với Quốc lộ 53. Trong đó:

- **Khu hành chính tập trung:** Hiện hữu chính trang cải tạo với tổng diện tích khu đất 4.300 m², gồm trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND, UBND, UBMT cùng các ban ngành của xã.

- **Trường THPT Đại An:** Với diện tích hiện trạng là 5.387 m². Công trình được định hướng quy hoạch, mở rộng thêm 2.913 m². Tổng diện tích sau khi mở rộng là 8.300 m² đáp ứng yêu cầu.

- **Buru điện xã:** Hiện hữu chính trang với diện tích 1.169 m², công trình nằm cặp trục Quốc lộ 53 gồm 01 trệt, 01 lầu.

- **Nhà văn hóa xã:** Giai đoạn (2023-2028) đề xuất quy hoạch xây dựng mới tại vị trí đất khu vui chơi hiện hữu nằm cặp trục đường N5 và giai đoạn (2028-2033) được quy hoạch xây dựng tại vị trí mới, ký hiệu lô đất DVH.

5.2 Khu Thương mại dịch vụ: Chợ xã nằm cặp trục Quốc lộ 53 với diện tích hiện trạng 12.196 m², được xây dựng kiên cố với 01 nhà lồng chợ, đảm bảo yêu cầu theo tiêu chuẩn quy định.

5.3 Khu Cây xanh công cộng

- **Cây xanh công cộng:** Cây xanh sử dụng công cộng (công viên công cộng, vườn hoa,...). Ký hiệu lô đất là CX, bố trí dọc hai bên kênh Thủy Lợi, khu nhà ở xây dựng mới và khu dân cư hiện hữu chỉnh trang. Tổng diện tích đất cho nhóm này là 7.200 m².

+ Tận dụng địa hình khu vực có rạch chảy ngang qua bố trí cây xanh kết hợp mặt nước làm đẹp cảnh quan, góp phần cải thiện vi khí hậu đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc làm giảm tiếng ồn, phòng chống ô nhiễm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng dân cư.

+ Đối với công viên trong nhóm nhà ở: tổ chức trồng những mảng cỏ xanh, cây xanh tạo thành sân vườn đi dạo sinh động với những góc nhìn mở cho cảm giác thư thái, an lành.

+ Cây xanh đường phố: dọc các tuyến giao thông tổ chức trồng những loại cây có tán rộng để có thể cản bụi và tiếng ồn, góp phần cải tạo vi khí hậu và cảnh quan chung.

5.3 Khu ở:

Nhà ở hiện hữu chỉnh trang, nhà ở xây dựng mới trong từng nhóm do tập quán sử dụng sẽ được bố trí thành các loại hình nhà ở: nhà liên kế phố kết hợp kinh doanh, nhà liên kế vườn, nhà song lập, nhà vườn. Đất nhóm nhà ở có tổng diện tích là 146.700 m² (14,67 ha). Trong đó:

- Đất ở hiện hữu chỉnh trang giữ nguyên theo hiện trạng với tổng diện tích 127.400 m² (12,74 ha) nằm cặp trục Quốc lộ 53 và một số tuyến đường nội bộ trong khu vực lập quy hoạch.

- Đất ở xây dựng mới được quy hoạch tại những vị trí mật độ dân cư thấp, vị trí đất trống với diện tích 19.300 m² (1,93 ha) nằm cặp trục Quốc lộ 53 và cặp tuyến N7 và D4 (phía Đông Bắc và Đông Nam của ranh lập quy hoạch).

6. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

STT	LOẠI ĐẤT	Hiện trạng		Quy hoạch		Chú thích
		Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)	
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	248.400	100	248.400	100	
I	ĐẤT DÂN DỤNG	123.414	49,67	240.628	96,87	

1	Đất ở	60.546	24,37	146.700	59,06
1.1	Đất ở hiện hữu chính trang	60.546	24,37	127.400	51,29
1.2	Đất ở xây dựng mới	-	-	19.300	7,77
2	Đất công trình công cộng	23.986	9,65	27.446	11,04
2.1	Khu hành chính tập trung xã	4.374	1,76	4.300	1,73
2.2	Công trình giáo dục	5.387	2,17	8.300	3,34
	<i>Trường THPT Đại An</i>	<i>5.387</i>		<i>8.300</i>	
2.3	Nhà văn hóa xã	800	0,32	1.788	0,72
2.4	Nhà văn hoá ấp	60	0,02	60	0,02
2.5	Chợ xã	12.196	4,91	12.196	4,91
2.6	Điểm Bưu điện văn hóa xã	1.169	0,47	802	0,32
3	Đất cây xanh –Thể dục thể thao	-	-	7.200	2,90
4	Đất giao thông & hạ tầng kỹ thuật	38.882	15,65	59.282	23,87
4.1	Đất giao thông	38.600	15,54	58.582	23,58
4.2	Trạm xử lý nước thải	-	-	410	0,17
4.3	Trạm cấp nước	282	0,11	290	0,12
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	124.986	50,31	7.772	3,13
1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1.450	0,58	1.112	0,45
2	Đất cây xanh cách ly	-	-	1.500	0,60
3	Đất sông, rạch, mặt nước	5.020	2,02	5.020	2,02
4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	145	0,06	140	0,06
5	Đất trồng lúa	26.700	10,75	-	-
6	Đất trồng cây lâu năm	41.171	16,57	-	-
7	Đất trồng cây hàng năm	50.500	20,33	-	-

7. Bộ cục không gian kiến trúc toàn khu

- Tổ chức không gian đảm bảo tính chất một khu trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ của xã, tạo nên bộ mặt mới cho khu trung tâm xã.

- Khu vực được hình thành dựa trên trục chính là Quốc lộ 53. Trên tuyến đường này tập trung các cơ quan hành chính, thương mại dịch vụ, các công trình công cộng khác và các khu dân cư.

- Tổ chức không gian thương mại dịch vụ là chợ xã ở khu vực dọc Quốc lộ 53, các khu nhà ở hiện hữu cải tạo và xây dựng mới vừa là ở, vừa kết hợp thương mại dịch vụ bố trí dọc các trục đường xung quanh chợ, sẽ tạo cảnh quan chung cho

khu vực. Chợ bố trí lùi vào trong, tạo sân bãi rộng rãi để tập kết các phương tiện giao thông đến chợ và hạn chế gây trở ngại giao thông, khu thương mại dịch vụ có vị trí thuận lợi thủy bộ.

- Không gian cây xanh tập trung được bố trí nằm trong khu vực công trình công cộng và khu dân cư, vừa tạo không gian xanh mát vừa tô điểm thêm cho không gian công cộng.

- Không gian ở được tổ chức đồng bộ từ chiều cao đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc, tạo bộ mặt vách phố đẹp, thống nhất, làm nền cho các công trình công cộng nổi bật lên giữa không gian cây xanh và không gian yên tĩnh của khu nhà ở. Các đơn vị ở được phân biệt rõ ràng bởi mạng lưới đường giao thông và được liên hệ với nhau theo các tuyến đường khu vực và liên khu vực.

- Các đơn vị ở được tổ chức đầy đủ với các hình thức nhà liên kế, nhà ở song lập và nhà vườn. Sự bố trí đa dạng các loại hình nhà ở trong mỗi đơn vị ở sẽ làm sinh động không gian trong khu ở, nhưng việc bố trí phải có trật tự và hài hoà giữa các hình thức nhà với nhau.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Giao thông:

Tổng diện tích mạng lưới đường giao thông là: 5,92 ha. Trong đó:

- Đường nội bộ: chiều rộng 6,5m - 15m.

- Trục đối ngoại: Quốc lộ 53 đoạn qua Trung tâm xã có lộ giới 32m; đường Tỉnh 914 có lộ giới 60m và đường Tỉnh 915 có lộ giới 36m.

BẢNG THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Quy cách (m)						Chức năng
			Vĩa hè trái	Lòng đường	Dãy phân cách	Lòng đường	Vĩa hè phải	Đất dự trữ	
1	Quốc lộ 53	32	3,25	11,25	3	11,25	3,25		Liên khu vực
2	Đường Tỉnh 914	60	3,25	11,25	3	11,25	3,25	2 x 14	Liên khu vực
3	Đường Tỉnh 915	36	6	10,5	3	10,5	6		Liên khu vực
4	Đường D1	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
5	Đường D2	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ

6	Đường D3	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
7	Đường D4	12	3	6	-	-	3		Nội bộ
8	Đường D5	6,5	1,5	3,5	-	-	1,5		Nội bộ
9	Đường D6	6,5	1,5	3,5	-	-	1,5		Nội bộ
10	Đường D7	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
11	Đường N1	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
12	Đường N2	15	3	3,5	2	3,5	3		Nội bộ
13	Đường N3	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
14	Đường N4	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
15	Đường N5	6,5	1,5	3,5	-	-	1,5		Nội bộ
16	Đường N6	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
17	Đường N7	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
18	Đường N8	6,5	1,5	3,5	-	-	1,5		Nội bộ
19	Đường N9	6,5	1,5	3,5	-	-	1,5		Nội bộ
20	Đường N10	6,5	1,5	3,5	-	-	1,5		Nội bộ
21	Đường N11	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ
22	Đường N12	8	1,5	5	-	-	1,5		Nội bộ

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Giải pháp quy hoạch chiều cao

- Khu đất quy hoạch có nền đất thấp, chịu ảnh hưởng mực nước triều cường trên kênh đào Trà Vinh; hiện nay phần lớn diện tích được bảo vệ không bị ngập do triều cao nhờ vào hệ thống đê bao-cống điều tiết với khả năng tự điều tiết là hệ thống kênh rạch chằng chịt. Do đó, giải pháp được chọn là tận dụng hệ thống đê bao ven sông và kênh rạch hiện hữu để tổ chức nền đất quy hoạch và tiêu thoát nước mưa.

- Chọn cao độ xây dựng $H_{xd} \geq +2,3$ m (cao độ Quốc Gia).

- Đất đắp dự kiến là cát san lấp, được khai thác từ nạo vét kênh rạch, mua và vận chuyển từ các khu vực lân cận đến đắp.

b) Giải pháp quy hoạch thoát nước mưa

- Các kênh rạch hiện hữu được giữ lại để tổ chức thoát nước.

- Điểm dân cư gần khu hành chính tập trung xã sử dụng phương án thoát nước bằng hệ thống cống và hố ga, mang tính thẩm mỹ cao.

- Các điểm dân cư khác ven sử dụng phương án mương bê tông cốt thép đầy nắp đan, thuận tiện cho việc thu nước theo các tuyến dài.

- Hướng thoát: về phía các kênh rạch hiện hữu giữ lại cho thoát nước theo hướng ngắn nhất và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

- Tính toán lưu lượng nước mưa thoát theo phương pháp cường độ mưa giới hạn với hệ số dòng chảy được tính theo phương pháp trung bình.

8.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Mạng lưới cấp nước sử dụng nguồn từ trạm cấp nước Đại An. Dự kiến nâng cấp công suất lên 500m³/ngày, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng nước của trung tâm xã.

- Để cấp nước sinh hoạt cho 2.000 dân với Q_{cấp max} = 288 m³/ngày dự kiến cho trung tâm xã Đại An, nguồn nước dựa vào trạm đầu mối cấp nước ngầm công suất 1.650 m³/ngày, sẽ được xây dựng mới trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 theo quy hoạch chung cấp nước toàn xã Đại An và trạm cấp nước ngầm hiện hữu gần Ủy ban nhân dân xã công suất khoảng 100 m³/ngày.

- Xây dựng mạng lưới cấp nước bằng nhựa HDPE - D125, D110, D90 dọc theo các trục đường giao thông của trung tâm xã, tạo thành mạng vòng đảm bảo lưu lượng và áp lực nước.

- Dự trù lắp đặt các trụ cứu hỏa Ø100 áp lực thấp cách khoảng 150 m trên mạng lưới đường ống cấp nước, cho xe cứu hỏa lấy nước dùng bơm tăng áp đạt lưu lượng 15 lít/giây với áp lực tự do ≥ 40 m để chữa cháy.

8.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường và trạm xử lý nước thải tập trung:

*** Thoát nước thải:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các công trình sẽ được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại của từng công trình. Sau khi xử lý sơ bộ, nước thải sẽ được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung, xử lý nước đạt chất lượng theo đúng quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Hệ thống thoát nước thải bao gồm hố ga và các đường cống D300. Chiều sâu chôn cống tối thiểu tính đến đỉnh cống là 0,5m đối với cống trên lề và 0,7m đối với cống dưới đường.

*** Vệ sinh môi trường:**

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người.ngđ.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt: 1,6 tấn/ngđ

- Rác thải phải được phân loại tại nguồn (từ các hộ dân và CTCC), sau đó sẽ tập kết tại các điểm tập kết rác, các điểm tập kết rác bố trí thùng có ký hiệu và màu

sắc riêng cho từng loại rác theo đúng quy định. Đồng thời xe vận chuyển sẽ đến các bãi tập kết rác vận chuyển đến bãi rác của Huyện để xử lý, rác thải được xử lý đúng theo quy định hiện hành.

- Chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rác y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế.

*** Quy hoạch trạm xử lý nước thải:**

Trạm xử lý nước thải: Được định hướng quy hoạch với quy mô 410 m² nằm tiếp giáp tuyến Đường N7; Việc định hướng quy hoạch trạm xử lý nước thải nhằm đảm bảo nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, đồng thời nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường.

8.5. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Hiện khu vực sử dụng nguồn điện quốc gia trạm 110/22kV Duyên Hải và trạm 110/22kV Trà Cú.

a) Mạng điện phân phối

- Trạm biến áp 22/0,4 KV:

+ Tháo dỡ, di dời các trạm biến áp không còn phù hợp với quy hoạch có công suất nhỏ.

+ Cải tạo, di dời các trạm biến áp có suất nhỏ 1 pha không còn phù hợp với quy hoạch, sử dụng lại các trạm có vị trí thích hợp bằng cách thay thế các máy biến áp hiện hữu có công suất nhỏ 1 pha thay bằng các máy biến áp có công suất lớn hơn 3 pha đặt tại trung tâm phụ tải thuận tiện cho các lộ ra vào. Các trạm được đặt trên giàn phải đảm bảo hành lang an toàn và mỹ quan đô thị.

+ Xây dựng mới các trạm 3 pha 22/0,4kV, đặt trong nhà, trên giàn có công suất lớn. Các trạm có bán kính phục vụ từ 300 – 400 m được đặt ở những vị trí gần trung tâm phụ tải, gần giao lộ, thuận tiện cho các lộ ra. Các trạm được đặt trên giàn phải đảm bảo hành lang an toàn và mỹ quan đô thị.

- Đường dây 22 KV:

+ Cải tạo nâng cấp, nâng tiết diện, di dời các tuyến đường dây dọc theo Quốc lộ 53 cho phù hợp với quy hoạch mở rộng đường. Dài hạn nâng cấp tuyến đường dây này lên 22kV cho phù hợp với mạng điện chung toàn tỉnh. Dài khoảng 1 km.

- Đường dây 0,4 KV:

+ Cải tạo nâng cấp, nâng tiết diện, di dời các tuyến đường 0,4 kV, đi trên cột bê tông ly tâm cao 8,5 m, cỡ dây 35 – 70 mm², dài khoảng 1,5 km.

+ Xây dựng tuyến đường dây 0,4 kV cấp điện cho nhu cầu sinh hoạt và các công trình công cộng trong khu quy hoạch. Dài khoảng 2,5 km.

8.6. Quy hoạch Thông tin liên lạc:

- Hiện khu vực sử dụng nguồn thông tin liên lạc từ Bưu điện Trà Vinh. Tổng đài nội hạt của khu quy hoạch được đặt tại Bưu điện xã Đại An.

- Mạng lưới thông tin liên lạc được bố trí dạng hỗn hợp, từ bưu điện xã Đại An, bố trí các tuyến dây đến từng khu vực trong khu quy hoạch. Tại từng hộp thông tin của khu quy hoạch sẽ bố trí các tuyến cáp thông tin liên lạc đến từng hộ dân.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Hiện trạng điều kiện môi trường:

- Khu vực xây dựng khu trung tâm xã chủ yếu là đất nông nghiệp (trồng cây ăn quả, hoa màu) xen lẫn đất thổ cư, hầu như không có hoạt động của con người tác động bất lợi tới môi trường sinh thái khu vực.

b) Những yếu tố ảnh hưởng môi trường:

- Các chất thải nói trên nếu không xử lý triệt để và quản lý chặt chẽ sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường sinh thái của khu vực.

- Trong thời gian thi công các công trình xây dựng: Việc san lấp mặt bằng, sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu, sự hoạt động của các loại máy móc thi công là các tác nhân gây ô nhiễm và gây ồn không thường xuyên nếu không có các biện pháp quản lý và hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm này có thể có nguy hại hơn cả tác nhân thường xuyên.

- Về xã hội – kinh tế: cung cấp hạ tầng kỹ thuật, xã hội hoàn chỉnh, ổn định đời sống, tạo công ăn việc làm giúp nâng cao được thu nhập người dân.

c) Những giải pháp khắc phục và bảo vệ môi trường:

- Các khu chức năng được bố trí thưa thoáng trong đó có cây xanh công viên, kết hợp sân tập luyện thể dục thể thao, công viên có cây xanh, mặt nước bao quanh hoặc xen cài tạo lập được một môi trường xanh sạch, hạn chế được các tác nhân gây ô nhiễm do dân cư gây ra.

- Tăng cường diện tích cây xanh vốn rất cần thiết cho bảo vệ và tự làm sạch môi trường. Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên kết hợp tôn tạo, xây dựng.

d) Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông: Dọc theo các tuyến đường giao thông nên tổ chức trồng dây cây xanh ven đường. Đó là giải pháp tốt giảm mức độ nhiễm bụi và giảm tiếng ồn do lưu thông xe gây nên.

- Hệ thống cấp nước: Đảm bảo cung cấp đủ nước theo tiêu chuẩn cấp nước dịch vụ và nước sinh hoạt.

- Hệ thống cấp điện: thiết kế đủ cung cấp cho sinh hoạt và chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các công trình phải qua xử lý tại các hầm tự hoại của công trình để xử lý sơ bộ mới được đổ vào hệ thống cống đưa về các trạm xử lý tập trung. Nước thải sau khi xử lý tại các trạm xử lý phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy chuẩn và quy định chuyên ngành môi trường mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

- Rác thải sinh hoạt: Toàn bộ rác thải được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý rác tập trung của Huyện để xử lý theo đúng quy định.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Đại An có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố, công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân trong xã biết để thực hiện.

- Cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa; xây dựng hoàn chỉnh quy định quản lý theo quy hoạch trình UBND huyện ban hành, sau khi có sự thỏa thuận của các ngành chức năng huyện để làm cơ sở quản lý, cấp giấy phép xây dựng và thực hiện dự án đầu tư.

- Tổ chức tuyên truyền, phát động để nhân dân thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hoá để đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình UBND huyện xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện Trà Cú, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đại An chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT.HU, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Bình

Số: 104/TTr-UBND

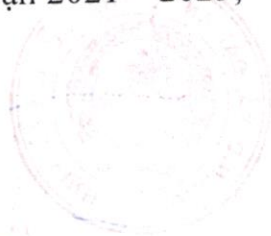
Đại An, ngày 28 tháng 9 năm 2023.

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh.

Kính gửi: Ủy Ban nhân dân huyện Trà Cú.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2002, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;
- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025”;
- Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn Quy hoạch xây dựng nông thôn;
- Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài Nguyên Môi trường Quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;



- Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận xã Đại An, huyện Trà Cú đạt danh hiệu “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm 2018 (giai đoạn 2016 – 2020);

- Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 19/01/2021 Nghị quyết của Huyện ủy Trà Cú “về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2021”

- Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 15/01/2022 Nghị quyết của Huyện ủy Trà Cú “về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2022”

- Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 26/05/2020 của UBND huyện Trà Cú về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

- Công văn số 1367/UBND-KTHT ngày 15/11/2022 của Ủy Ban nhân dân huyện Trà Cú về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Đại An, Ngọc Biên, Tập Sơn và Long Hiệp huyện Trà Cú. Tỉnh Trà Vinh.

- Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện Trà Cú về việc phê duyệt nhiệm vụ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Đại An, Huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

- Công văn số 1414/SXD-QHKT&PTĐT ngày 25/9/2023 của Sở Xây dựng Trà Vinh về việc góp ý đề án quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Thực hiện theo quy định về công tác lập thẩm định quy hoạch xây dựng, UBND xã Đại An kính trình UBND huyện Trà Cú, xem xét phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Đại An huyện Trà Cú; quy mô 24,48 ha, với các nội dung chính sau:

- 1. Tên đề án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Đại An huyện Trà Cú
- 2. Địa điểm quy hoạch:** xã Đại An huyện Trà Cú.
- 3. Quy mô lập quy hoạch:** 24,84 ha.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND xã Đại An.
- 5. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch:** Công ty Cổ phần tư vấn – Xây dựng Âu Lạc.
- 6. Thời gian thực hiện:** năm 2022-2023

(Đính kèm hồ sơ Đề án quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Đại An huyện Trà Cú).

UBND xã Đại An kính trình Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú xem xét phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:VT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trường Sơn

UBND HUYỆN TRÀ CÚ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QH XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 13/HĐQH-TĐQH
Về việc thẩm định (lần 2) Đồ án quy
hoạch chi tiết xây dựng TL1/500
Trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú,
tỉnh Trà Vinh

Trà Cú, ngày 07 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã Đại An;
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Âu Lạc.

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định đồ án số 12/BC-HĐQH ngày 17/7/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng về quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Qua kiểm tra nội dung Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm xã Đại An, đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa hoàn chỉnh theo kết quả thẩm định; Nay Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng thông báo đến Ủy ban nhân dân xã Đại An và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Âu Lạc biết, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân huyện, trình Sở Xây dựng lấy ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH



**TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ
VÀ HẠ TẦNG**

Huỳnh Văn Danh